

Số: /TB-TTYTBL

Bình Liêu, ngày 14 tháng 6 năm 2024

V/v báo giá Test kiểm tra An toàn thực phẩm, vật tư y tế, hoá chất xét nghiệm thuộc dự toán dịch vụ sự nghiệp công lĩnh vực Y tế - Dân số năm 2024

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam.

Căn cứ Luật đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023 của Quốc Hội;
Căn cứ Nghị định 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;
Căn cứ Quyết định số 1386/QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Quảng Ninh về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Y tế huyện Bình Liêu trực thuộc Sở y tế Quảng Ninh;

Căn cứ Quyết định số 1348/QĐ-SYT ngày 29/12/2023 của Sở Y tế Quảng Ninh về Quyết định giao chỉ tiêu kế hoạch năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 109/QĐ-SYT ngày 20/02/2024 của Sở Y tế Quảng Ninh Về việc giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2024 - Kinh phí triển khai phương án dịch vụ sự nghiệp công lĩnh vực Y tế - Dân số;

Trung tâm Y tế huyện Bình Liêu có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá dự kiến các gói thầu mua sắm hàng hóa thuộc dự toán dịch vụ sự nghiệp công lĩnh vực Y tế - Dân số năm 2024 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin đơn vị:

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Y tế huyện Bình Liêu
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:
Ông: Lô Tiến Dũng Khoa Dược, TTB-VTYT
Số điện thoại: 0979239660 Email: duoc.ttytbl@gmail.com
- Cách thức tiếp nhận báo giá:

Đề nghị các tổ chức/cá nhân có khả năng cung cấp hàng hóa dưới đây báo giá cung cấp các thông tin về hàng hóa và các tài liệu chứng minh thông số kỹ thuật của hàng hóa như theo phụ lục 04,05 đính kèm (Giá báo là giá hàng hoá mới 100%, đã bao gồm các loại thuế và các chi phí khác, giao hàng tại bộ phận Dược Trung tâm Y tế huyện Bình Liêu).

- Đơn vị gửi báo giá bản scan kèm theo (bản word hoặc bản excel) và các tài liệu liên quan đến hàng hóa vào địa chỉ email: ttytbinhlieu@gmail.com

- Bản cứng báo giá và các tài liệu liên quan đơn vị gửi về địa chỉ :

+ Khoa Dược, TTB-VTYT - Trung tâm Y tế huyện Bình Liêu.

+ Địa chỉ: Khu Bình An – Thị Trấn Bình Liêu - Huyện Bình Liêu - Tỉnh Quảng Ninh.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 07h30 ngày 14 tháng 6 năm 2024 đến trước 16h30 ngày 28 tháng 6 năm 2024.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 13 tháng 6 năm 2024.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Trung tâm Y tế huyện Bình Liêu có nhu cầu mua sắm Test kiểm tra An toàn thực phẩm, vật tư y tế, hoá chất xét nghiệm thuộc dự toán dịch vụ sự nghiệp công lĩnh vực Y tế - Dân số năm 2024 như sau: (*Phụ lục 01 đến Phụ lục 03 đính kèm*)

2. Địa điểm cung cấp, các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, bảo quản hàng hóa: Khoa Dược, TTB-VTYT - Trung tâm Y tế huyện Bình Liêu.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Theo dự trù của Trung tâm Y tế huyện Bình Liêu trong thời hạn hiệu lực hợp đồng.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

+ Không tạm ứng

+ Hình thức: Chuyển khoản

+ Số lần thanh toán: Thanh toán nhiều lần theo từng đợt giao hàng (trong vòng 90 ngày sau khi chủ đầu tư nhận đầy đủ hàng hóa cùng chứng các chứng từ hợp lệ).

5. Các thông tin khác (nếu có).

- *Bảng mô thông tin chi tiết hàng hoá (Phụ lục 04)*

- *Mẫu bảng chào giá (Phụ lục 05)*

Trung tâm Y tế huyện Bình Liêu trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Bộ phận CNTT (đăng tải website TT);

- Lưu VT, KDTTBVTYT.

GIÁM ĐỐC

Ngô Thị Bình

PHỤ LỤC 01**Danh mục và số lượng hàng hóa (Test kiểm tra An toàn thực phẩm) đề nghị mua sắm**
(Kèm theo thông báo số: /TB-TTYTBL ngày 14/6/2024 của Trung tâm y tế huyện Bình Liêu)

STT	Mã hàng hoá	Tên hàng hóa	Nội dung	Quy cách đóng gói (Tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Goi 01.01	Kit kiểm tra nhanh dư lượng thuốc trừ sâu trong rau quả (VPR10)	Kit kiểm tra nhanh dư lượng thuốc trừ sâu VPR10 sử dụng để kiểm tra nhanh thuốc trừ sâu nhóm lân hữu cơ và Carbamate trong rau, quả. Số lượng đóng gói cho 10 lần thử (10 test) trong 1 hộp. Kit đơn giản dễ sử dụng- phù hợp cho nhu cầu kiểm tra nhanh dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong rau quả đầu vào của Siêu thị, nhà hàng, bếp ăn công nghiệp, bếp ăn bệnh viện, cho các cơ sở kinh doanh phân phối rau, củ quả. Giới hạn phát hiện: 0.5 ppm. Thời hạn sử dụng: 1 năm	Hộp 10 test	Hộp	04
2	Goi 01.02	Kit kiểm tra nhanh hàn the (BK04)	Kit kiểm tra nhanh hàn the giúp phát hiện nhanh hàn the trong các sản phẩm chế biến như giò chả, bánh đúc, bánh đa, bánh cuốn, bánh phở hay một số mẫu thực phẩm như thịt, cá tươi. Giới hạn phát hiện: 50 ppm. Thời gian phát hiện: 3 – 30 phút.	Hộp 50 test	Hộp	06
3	Goi 01.03	Kit kiểm tra nhanh dầu mỡ ôi khét (OT04)	Phát hiện nhanh mức độ bị oxy hoá của dầu ăn, mỡ động vật sử dụng làm thực phẩm. Giới hạn phát hiện: cho kết quả dương tính với mẫu dầu, mỡ có chỉ số peroxid là 2,75	Hộp 10 test	Hộp	04
4	Goi 01.04	Kit kiểm tra nhanh phẩm màu (CT04)	Xác định nhanh phẩm màu kiểm không được phép sử dụng trong thực phẩm: Bánh, kẹo, các loại mứt, hạt bí, hạt dưa, nước giải khát... Giới hạn phát hiện: 5mg/kg	Hộp 20 test	Hộp	04
5	Goi 01.05	Kit kiểm tra nhanh focmon (FT04)	Kiểm tra nhanh Focmon (Formaldehyd) có trong một số loại thực phẩm: hải sản sống, thịt cá tươi, bánh phở, bún. Giới hạn phát hiện: 50 mg/kg thực phẩm. Thời gian phát hiện: 1- 2 phút	Hộp 20 test	Hộp	04
6	Goi 01.06	Kit kiểm tra nhanh Ntrit (NT04)	Kiểm tra bán định lượng Nitrit trong nước ăn, đồ uống không màu, nước giải khát. Giới hạn phát hiện: trong nước: 0,1 ppm (0,1 mg/lit)	Hộp 20 test	Hộp	04
7	Goi 01.07	Kit kiểm tra nhanh Nitrat (NaT04)	Ứng dụng: Kiểm tra nhanh Nitrate (NO3-) có trong thực phẩm: thịt hộp, thịt muối, xúc xích, Lạp xưởng, dăm bông, dưa muối, nước giải khát không màu. Giới hạn phát hiện: 40 ppm Thời gian đọc kết quả: + Với mẫu nước: 3-4 phút + Mẫu thực phẩm: 30 phút	Hộp 20 test	Hộp	04
8	Goi 01.08	Kit kiểm tra nhanh Salicylic (ST04)	Phát hiện nhanh acid salicylic trong một số loại thực phẩm: Rau quả ngâm; dưa cà muối; dưa bao tử muối; sấu, mơ, mận ngâm. Giới hạn phát hiện: 100 mg/kg thực phẩm	Hộp 20 test	Hộp	04

9	Goi 01.09	Kit kiểm tra nhanh Methanol trong rượu (MeT04)	Xác định dư lượng Methanol trong rượu Giới hạn phát hiện: 0.06%	Hộp 10 test	Hộp	04
10	Goi 01.10	Bộ kiểm tra độ sạch bát đĩa (tinh bột và dầu mỡ) (CK13)	Dùng trong kiểm tra, phát hiện dấu vết dầu, mỡ, tinh bột trên bát đĩa đã rửa để khô.	Bộ 200 test	Hộp	08
11	Goi 01.11	Bộ vali dụng cụ (không bao gồm Kít thử)	Bộ dụng cụ bao gồm: + Vò bộ dụng cụ (hộp giả da có tay xách): 1 chiếc + Cốc định mức 50 ml: 1 chiếc + Cốc định mức 100 ml: 1 chiếc + Kéo y tế: 1 chiếc + Panh kẹp y tế: 1 chiếc + Găng tay y tế: 20 đôi + Khẩu trang: 5 cái + Khăn vệ sinh: 1 chiếc + Túi nilon PE thu mẫu: 50 túi + Túi nilon đựng rác thải: 50 túi	Bộ 01 vali	Bộ	04
12	Goi 01.12	Bộ test xét nghiệm nhanh An toàn thực phẩm (FT05)	Bộ test bao gồm: + Vò bộ dụng cụ (hộp giả da có tay xách): 1 chiếc + Cốc định mức 50 ml: 1 chiếc + Cốc định mức 100 ml: 1 chiếc + Kéo y tế: 01 chiếc + Panh kẹp y tế: 01 chiếc + Găng tay y tế: 20 đôi + Khẩu trang: 05 chiếc + Khăn vệ sinh: 01 chiếc + Túi nilon PE thu mẫu: 50 chiếc + Túi nilon đựng rác thải: 50 chiếc + Đĩa VCD hướng dẫn sử dụng: 01 chiếc + Kít kiểm tra nhanh thuốc trừ sâu trong rau quả (VPR10) (10 test/ hộp): 01 hộp + Kít kiểm tra nhanh axit vô cơ trong dầu ăn (VT04) (20 test/ hộp): 02 hộp + Kít kiểm tra nhanh hàn the (BK04) (50 test/ hộp): 02 hộp + Kít kiểm tra nhanh hypoclorid (HT04) (20 test/ hộp): 02 hộp + Kít kiểm tra nhanh dầu mỡ ôi khét (OT04) (10 test/ hộp): 02 hộp + Kít kiểm tra nhanh phẩm màu (CT04) (20 test/ hộp): 01 hộp + Kít kiểm tra nhanh focmon (FT04) (20 test/ hộp): 02 hộp + Kít kiểm tra nhanh Nitrit (NT04) (20 test/ hộp): 02 hộp + Kít kiểm tra nhanh Nitrat (NaT04) (20 test/ hộp): 02 hộp + Kít kiểm tra nhanh Salicylic (ST04) (20 test/ hộp): 02 hộp + Kít kiểm tra nhanh Methanol trong rượu (MeT04) (10 test/ hộp): 01 hộp	Bộ 01 vali	Bộ	01
Tổng cộng:			13 mặt hàng			

PHỤ LỤC 03

Danh mục và số lượng hàng hóa (Hóa chất sử dụng cho phòng chống sốt rét) đề nghị mua sắm
(Kèm theo thông báo số: /TB-TTYTBL ngày 14/6/2024 của Trung tâm y tế huyện Bình Liêu)

STT	Mã hàng hoá	Tên hàng hóa	Nội dung	Quy cách đóng gói (Tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
I	Hóa chất sử dụng cho phòng chống sốt rét					
1	Goi 02.01	Thuốc nhuộm Giemsa	Thực hiện xét nghiệm soi nhuộm Giemsa	Chai 100ml	ml	200
2	Goi 02.02	Immersion oil (dầu soi kính hiển vi)	Dầu soi kính hiển vi.	Chai 100ml	ml	200
II	Hóa chất sử dụng cho phòng chống Sốt xuất huyết					
3	Goi 02.03	Hóa chất diệt muỗi	Thành phần bao gồm: + Deltamethrin: 30g/lít + Piperonyl Butoxide (PBO): 30g/lít	Chai 1 lít	Lít	03
Tổng cộng:			03 mặt hàng			

PHỤ LỤC 03**Danh mục và số lượng hàng hóa****(Vật tư trang thiết bị y tế phục vụ công tác phòng chống bệnh Không lây nhiễm và phòng chống sốt rét) đề nghị mua sắm***(Kèm theo thông báo số: /TB-TTYTBL ngày 14/6/2024 của Trung tâm y tế huyện Bình Liêu)*

STT	Mã hàng hoá	Tên hàng hóa	Nội dung	Quy cách đóng gói (Tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
I	Vật tư, trang thiết bị y tế sử dụng cho công tác phòng chống bệnh Không lây nhiễm					
1	Goi 03.01	Máy đo huyết áp điện tử	Thông số kỹ thuật: - Phương pháp đo: Đo dao động. - Giới hạn đo: + Huyết áp: 0 tới 299 mm Hg + Nhịp tim: 40 tới 180 nhịp/phút. - Độ chính xác: + Huyết áp: ± 3 mm Hg. + Nhịp tim: $\pm 5\%$.	Hộp 1 cái	Cái	14
2	Goi 03.02	Máy tiểu đường Oncall plus	Nguyên lý đo: Công nghệ cảm ứng sinh học Khoảng đo: 1.1 – 33.3mmol/L (20 – 600mg/dL) Lượng máu cần lấy: 1 μ L Vị trí lấy máu: đầu ngón tay, gan bàn tay và trên cánh tay Bộ nhớ: ≥ 300 kết quả Phân biệt giá trị đo sau/trước ăn: Có Nguồn: Pin CR 2032 (3.0 V) cho khoảng ≥ 1000 lần đo	Hộp 1 cái	Cái	14
3	Goi 03.03	Que thử đường huyết On Call Plus	Thông số kỹ thuật: Công nghệ đo: Cảm biến sinh học (biosensor) Loại máy phù hợp: On Call Plus Khoảng đo: 1.1-33.3 mmol/L (20-600mg/dL) Lượng mẫu máu: 1.0 μ L	Hộp 25 que	Hộp	224
4	Goi 03.04	Bông tiêm 2cm x 2cm	Chất liệu: 100% Cotton. Bông y tế thấm nước, kích thước: 2cm x 2cm (± 3 mm). Không có chất tẩy trắng. Được tiệt trùng. Có khả năng giữ nước. Đạt tiêu chuẩn: (ISO 13485, ISO 9001) hoặc tương đương Quy cách đóng gói: Gói ≥ 500 gram	Túi 500gram	Gói	21

5	Goi 03.05	Găng khám bệnh các cỡ	Găng khám chất liệu Latex tự nhiên. Kích thước: Chiều rộng: Size XS 70(±10) mm; Size S: 80(±10) mm; Size M: 95(±10) mm; Size L 111(±10) mm; Size XL≥111 mm. Chiều dài 240mm (±10mm). Độ dày ≥0,08mm; Đặc tính vật lý: Mức kiểm tra S2,AQL 4.0. Sức căng cơ trước già hóa tối thiểu 18Mpa. Sức căng cơ sau già hóa tối thiểu 14Mpa. Độ giãn dài trước già hóa ≥ 650%. Độ giãn dài sau già hóa ≥ 500%. Hàm lượng protein tối đa 200µg/g. Hàm lượng bột tối đa 10mg/dm2. AQL 2,5. Đạt tiêu chuẩn: (ISO 13485, CE, ISO 9001) hoặc tương đương		Hộp	21
6	Goi 03.06	Khẩu trang y tế 4 lớp	Chất liệu: - Lớp 1: Vải không dệt 100% PE - Lớp 2 và 3: Vải kháng khuẩn Melt Blown 100% PP - Lớp 4: Vải không dệt 100% PE Bộ lọc: Lọc bụi lên đến 99.99%	Hộp 50 cái	Hộp	14
7	Goi 03.07	Hộp an toàn	Chất liệu: Giấy Duplex kháng thủng Màu sắc: Màu Vàng Y tế Kích thước: 150 x 120 x 270mm Dung tích: 5L	Hộp 25 cái	Cái	14
8	Goi 03.08	Dung dịch sát khuẩn tay nhanh	Thành phần tối thiểu gồm: Chlorhexidine Digluconate 0,5% (w/v); Ethanol 73% (v/v) ; Chất dưỡng ẩm bảo vệ da: Glycerine, Vitamin E, Poliaccharid, Sorbitol, Vitamin B5, hương liệu. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; ISO 9001 Quy cách: Chai ≥ 500ml	Chai 500ml	Chai	21
II	Vật tư sử dụng cho phòng chống sốt rét					
9	Goi 03.09	Lam kính	Kích thước 25,4*76,2 mm ± 1mm. Độ dày 1-1,2mm.	Hộp 72 cái	Cái	300
10	Goi 03.10	Kim chích máu	Chất liệu thép không gỉ Đóng gói vô trùng riêng từng cái. Đạt tiêu chuẩn (ISO 13485, CE) hoặc tương đương	Hộp 100 cái	Cái	300
Tổng cộng:			10 mặt hàng			

PHỤ LỤC 04

(Kèm theo thông báo số /TB-TTYTBL ngày 14/6/2024 của Trung tâm y tế huyện Bình Liêu)

BẢNG THÔNG TIN CHI TIẾT HÀNG HÓA

Kính gửi: Trung tâm y tế huyện Bình Liêu.

Chúng tôi, Công ty.... xin cung cấp các thông tin của hàng hóa chào giá với các thông tin như sau:

STT	Tên hàng hóa	Tên Thương mại, ký mã hiệu	Thông số kỹ thuật của hàng hóa	Hãng /Nước chủ sở hữu (nếu có)	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Phân loại TTBYT (A,B,C,D)	Số đăng ký lưu hành hoặc số giấy phép nhập khẩu	Đơn vị tính	Đơn giá	Giá kê khai	Mã kê khai	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14

Công ty... cam kết những nội dung trên là chính xác và đầy đủ. Trường hợp thông tin không chính xác hoặc thiếu Công ty ... xin chịu trách nhiệm theo quy định pháp luật hiện hành.

....., ngày ... tháng ... năm 2024

Giám đốc công ty

(kí, đóng dấu)

Ghi chú:

Tài liệu phân loại TTBYT: Văn bản phân loại và các tài liệu liên quan đối với hàng hóa là trang thiết bị y tế theo quy định tại Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 và các văn bản pháp luật liên quan.

Cột đơn giá: Là đơn giá của hàng hóa (đã bao gồm VAT và tất cả các dịch vụ đi kèm để thực hiện hợp đồng) mà đơn vị cung cấp báo giá chào trong báo giá.

Giá kê khai: Là Giá kê khai theo quy định tại Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 và các văn bản pháp luật liên quan.

Cột Mã HS: Mã HS của hàng hóa.

Phụ lục 05

(Kèm theo thông báo số /TB-TTYTBL ngày 14/6/2024 của Trung tâm y tế huyện Bình Liêu)

MẪU BẢNG CHÀO GIÁ

Tên nhà thầu: Công ty.....

Địa chỉ liên hệ:.....

Điện thoại:

Email:

Kính gửi: **Trung tâm Y tế huyện Bình Liêu**

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của.... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục thiết bị y tế ⁽²⁾	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất ⁽³⁾	Mã HS ⁽⁴⁾	Năm sản xuất ⁽⁵⁾	Xuất xứ ⁽⁶⁾	Số lượng/khối lượng ⁽⁷⁾	Đơn giá ⁽⁸⁾ (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan ⁽⁹⁾ (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) ⁽¹⁰⁾ (VND)	Thành tiền ⁽¹¹⁾ (VND)
1	Thiết bị A									
2	Thiết bị B									
n									
Tổng cộng: (VND) Số tiền bằng chữ:										

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: 90 ngày, kể từ ngày 27 tháng 02 năm 2024.

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽¹²⁾

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

- (1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.
- (2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế” trong Yêu cầu báo giá.
- (3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế”.
- (4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.
- (5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.
- (7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.
- (8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.
- (9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chỉ tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.
- (10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.
- (11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá. Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.
- (12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.